

Những quy định trước đây trái với Pháp lệnh này đều bãi bỏ.

Chính phủ hướng dẫn việc thi hành Pháp lệnh này.

T.M. Ủy ban Thường vụ Quốc hội
Chủ tịch
NÔNG ĐỨC MẠNH

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

NGHỊ QUYẾT của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 301-NQ/UBTVQH ngày 25-6-1996 về việc ban hành Quy chế Hoạt động của Hội đồng Nhân dân các cấp.

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ vào Điều 91 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ vào Điều 12 của Luật Tổ chức Quốc hội;

Căn cứ vào Tờ trình của Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội và ý kiến của các thành viên của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

QUYẾT NGHỊ:

1. Ban hành Quy chế Hoạt động của Hội đồng Nhân dân các cấp.
2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ bảo đảm thực hiện Quy chế này.

T.M. Ủy ban Thường vụ Quốc hội
Chủ tịch
NÔNG ĐỨC MẠNH

QUY CHẾ Hoạt động của Hội đồng Nhân dân các cấp.

Căn cứ vào Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân (sửa đổi);

Căn cứ vào Pháp lệnh về Giám sát và hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, hướng dẫn và kiểm tra của Chính phủ đối với Hội đồng Nhân dân;

Căn cứ vào Pháp lệnh về Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân ở mỗi cấp;

Quy chế này quy định chi tiết về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Nhân dân các cấp.

Chương I

ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 1.- Đại biểu Hội đồng Nhân dân là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân địa phương, gương mẫu chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước, tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện pháp luật, chính sách và tham vào việc quản lý Nhà nước.

Đại biểu Hội đồng Nhân dân có nhiệm vụ tham dự đầy đủ các kỳ họp Hội đồng Nhân dân, chấp hành nội quy kỳ họp. Đại biểu nào không tham dự được kỳ họp phải có lý do, ở Hội đồng Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh), ở Hội đồng Nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện) thì thông qua Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng Nhân dân báo cáo với Thường trực Hội đồng Nhân dân cùng cấp, ở Hội đồng Nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) thì báo cáo với Chủ tịch Hội đồng Nhân dân.

Đại biểu Hội đồng Nhân dân có nhiệm vụ tham dự các phiên họp của Hội đồng Nhân dân, các buổi thảo luận ở Tổ đại biểu Hội đồng Nhân dân, các cuộc họp của Ban của Hội đồng Nhân dân mà đại biểu là thành viên, tham gia các hoạt động khác của Hội đồng Nhân dân. Đại biểu nào không tham dự được phải có lý do và phải báo cáo với Chủ tọa.

Điều 2.

1. Khi nhận được thông báo dự kiến về thời gian họp và chương trình kỳ họp do Thường trực

Hội đồng Nhân dân cùng cấp, ở cấp xã thì do Chủ tịch Hội đồng Nhân dân gửi đến. Đại biểu Hội đồng Nhân dân phải nghiên cứu tài liệu, tiếp xúc cử tri, tham gia các hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng Nhân dân chuẩn bị cho kỳ họp Hội đồng Nhân dân.

2. Trong kỳ họp Hội đồng Nhân dân, đại biểu Hội đồng Nhân dân có trách nhiệm:

a) Tham gia thảo luận và quyết định chương trình làm việc của kỳ họp Hội đồng Nhân dân;

b) Thảo luận tại phiên họp toàn thể và thảo luận ở Tổ đại biểu về các vấn đề thuộc nội dung, chương trình kỳ họp;

c) Biểu quyết thông qua những vấn đề thuộc nội dung chương trình kỳ họp.

Ý kiến phát biểu của đại biểu Hội đồng Nhân dân phải được ghi vào biên bản của kỳ họp.

Điều 3.-

1. Đại biểu Hội đồng Nhân dân có quyền chất vấn Chủ tịch Hội đồng Nhân dân, Chủ tịch và các thành viên khác của Ủy ban Nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân và Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân cùng cấp. Chất vấn của đại biểu Hội đồng Nhân dân phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ người bị chất vấn và nội dung chất vấn. Người bị chất vấn có trách nhiệm trả lời về những vấn đề mà đại biểu chất vấn.

2. Trong thời gian Hội đồng Nhân dân họp, việc chất vấn và trả lời chất vấn được tiến hành theo trình tự sau đây:

a) Đại biểu Hội đồng Nhân dân gửi chất vấn đến Thường trực Hội đồng Nhân dân cùng cấp, ở cấp xã thì gửi đến Chủ tịch Hội đồng Nhân dân;

b) Thường trực Hội đồng Nhân dân, ở cấp xã thì Chủ tịch Hội đồng Nhân dân chuyển chất vấn đến cơ quan hoặc người bị chất vấn;

c) Cơ quan hoặc người bị chất vấn trả lời trước Hội đồng Nhân dân những vấn đề mà đại biểu chất vấn.

Nội dung trả lời chất vấn phải cụ thể, rõ ràng, nêu rõ đúng, sai và đề ra biện pháp khắc phục.

Trong trường hợp cần điều tra, xác minh thì Hội đồng Nhân dân có thể quyết định cho trả lời tại kỳ họp sau của Hội đồng Nhân dân hoặc cho trả lời bằng văn bản gửi đại biểu đã chất vấn và

Thường trực Hội đồng Nhân dân cùng cấp, ở cấp xã thì gửi Chủ tịch Hội đồng Nhân dân.

3. Trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng Nhân dân, việc chất vấn và trả lời chất vấn được tiến hành theo trình tự sau đây:

a) Đại biểu Hội đồng Nhân dân gửi chất vấn đến Thường trực Hội đồng Nhân dân cùng cấp, ở cấp xã thì gửi đến Chủ tịch Hội đồng Nhân dân;

b) Thường trực Hội đồng Nhân dân, ở cấp xã thì Chủ tịch Hội đồng Nhân dân chuyển chất vấn đến cơ quan hoặc người bị chất vấn;

c) Cơ quan hoặc người bị chất vấn có trách nhiệm trả lời chất vấn bằng văn bản cho đại biểu Hội đồng Nhân dân đã chất vấn. Thời hạn trả lời chất vấn do Thường trực Hội đồng Nhân dân cùng cấp, ở cấp xã do Chủ tịch Hội đồng Nhân dân quyết định.

Trong trường hợp chưa thỏa mãn với nội dung trả lời chất vấn, đại biểu Hội đồng Nhân dân có thể đề nghị Thường trực Hội đồng Nhân dân, ở cấp xã thì đề nghị Chủ tịch Hội đồng Nhân dân đưa ra thảo luận tại kỳ họp Hội đồng Nhân dân.

Khi cần thiết, Hội đồng Nhân dân ra nghị quyết về việc trả lời chất vấn và trách nhiệm của người bị chất vấn.

Điều 4.- Đại biểu Hội đồng Nhân dân phải liên hệ chặt chẽ với cử tri ở đơn vị bầu ra mình, chịu sự giám sát của cử tri, phải thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng của cử tri, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cử tri, thực hiện chế độ tiếp xúc cử tri và ít nhất mỗi năm một lần báo cáo với cử tri về hoạt động của mình và của Hội đồng Nhân dân, trả lời những yêu cầu và kiến nghị của cử tri.

Đại biểu Hội đồng Nhân dân phải tiếp dân theo lịch đã được phân công. Khi nhận được kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân, đại biểu Hội đồng Nhân dân có trách nhiệm nghiên cứu, trực tiếp đề xuất ý kiến hoặc thông qua Thường trực Hội đồng Nhân dân cùng cấp, ở cấp xã thì thông qua Chủ tịch Hội đồng Nhân dân để yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền giải quyết và theo dõi, đôn đốc việc giải quyết. Cơ quan có thẩm quyền phải xem xét, giải quyết, trả lời cho người đã kiến nghị, khiếu nại, tố cáo và thông báo bằng văn bản kết quả giải quyết để đại biểu biết.

Điều 5.- Đại biểu Hội đồng Nhân dân có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị

vũ trang nhân dân kịp thời chấm dứt những việc làm trái pháp luật, chính sách của Nhà nước trong cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc của nhân viên cơ quan, tổ chức, đơn vị đó.

Đại biểu Hội đồng Nhân dân có quyền kiến nghị với cơ quan Nhà nước về việc thi hành pháp luật, chính sách của Nhà nước và về những vấn đề thuộc lợi ích chung. Cơ quan hữu quan có trách nhiệm trả lời kiến nghị của đại biểu.

Người phụ trách của cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân có trách nhiệm tiếp đại biểu Hội đồng Nhân dân khi đại biểu yêu cầu.

Điều 6.- Đại biểu Hội đồng Nhân dân có thể xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khác mà không thể đảm đương được nhiệm vụ đại biểu.

Đại biểu Hội đồng Nhân dân không còn xứng đáng với sự tin nhiệm của nhân dân thì tùy mức độ phạm sai lầm mà bị Hội đồng Nhân dân hoặc cử tri bãi nhiệm. Thường trực Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân cùng cấp, ở cấp xã thì Chủ tịch Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân quyết định việc đưa ra Hội đồng Nhân dân hoặc đưa ra cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng Nhân dân theo đề nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

Trình tự, thủ tục xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu, bãi nhiệm đại biểu Hội đồng Nhân dân được tiến hành theo quy định tại Chương IX của Quy chế này.

Điều 7.- Các đại biểu Hội đồng Nhân dân được bầu ở một hoặc nhiều đơn vị bầu cử hợp thành Tổ đại biểu Hội đồng Nhân dân. Số lượng và danh sách thành viên của Tổ đại biểu Hội đồng Nhân dân do Thường trực Hội đồng Nhân dân cùng cấp, ở cấp xã thì do Chủ tịch Hội đồng Nhân dân quyết định. Mỗi Tổ đại biểu cử Tổ trưởng, Tổ phó để điều hành công việc của Tổ.

Điều 8.- Ít nhất ba tháng một lần, Tổ đại biểu Hội đồng Nhân dân họp để bàn kế hoạch công tác, phân công đại biểu tiếp dân, tổ chức nghiên cứu pháp luật, chính sách của Nhà nước.

Trước kỳ họp Hội đồng Nhân dân, Tổ đại biểu họp để nghiên cứu thi liệu, chuẩn bị đóng góp ý kiến cho kỳ họp; phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban Nhân dân ở đơn vị nơi bầu ra đại biểu để tổ chức

cho đại biểu tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến và nguyện vọng của cử tri. Tổ đại biểu Hội đồng Nhân dân làm báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri và gửi đến Thường trực Hội đồng Nhân dân cùng cấp, ở cấp xã thì gửi đến Chủ tịch Hội đồng Nhân dân, chậm nhất là ba ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

Sau kỳ họp, Tổ đại biểu tổ chức, phân công các đại biểu tiếp xúc, báo cáo với cử tri về kết quả kỳ họp Hội đồng Nhân dân.

Các cuộc họp Tổ phải có biên bản. Biên bản các cuộc họp của Tổ đại biểu Hội đồng Nhân dân phải gửi đến Thường trực Hội đồng Nhân dân cùng cấp, ở cấp xã thì gửi đến Chủ tịch Hội đồng Nhân dân.

Chương II

KỶ HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 9.- Kỳ họp Hội đồng Nhân dân là hình thức hoạt động chủ yếu của Hội đồng Nhân dân.

Hội đồng Nhân dân các cấp họp thường lệ mỗi năm hai kỳ. Trong trường hợp cần thiết, ở cấp tỉnh, cấp huyện theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng Nhân dân, của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cùng cấp hoặc có ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng Nhân dân cùng cấp yêu cầu thì Thường trực Hội đồng Nhân dân quyết định triệu tập kỳ họp bất thường; ở cấp xã, theo yêu cầu của Ủy ban Nhân dân hoặc có ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng Nhân dân yêu cầu thì Chủ tịch Hội đồng Nhân dân quyết định triệu tập kỳ họp bất thường.

Kỳ họp Hội đồng Nhân dân được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng Nhân dân tham dự.

Hội đồng Nhân dân họp công khai. Khi cần thiết, Hội đồng Nhân dân quyết định họp kín theo đề nghị của Chủ tọa kỳ họp hoặc của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cùng cấp.

Trong trường hợp không thể triệu tập kỳ họp của Hội đồng Nhân dân đúng kỳ hạn theo quy định của pháp luật thì Thường trực Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh báo cáo để Ủy ban Thường vụ Quốc hội xét và chuẩn v. Thường trực Hội đồng Nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân cấp xã báo cáo để Thường trực Hội đồng Nhân dân cấp trên trực tiếp xét và chuẩn y.

Điều 10.- Thường trực Hội đồng Nhân dân, ở cấp xã thì Chủ tịch Hội đồng Nhân dân thông báo dự kiến về thời gian và chương trình kỳ họp thường lệ của Hội đồng Nhân dân chậm nhất là hai mươi ngày, kỳ họp bất thường chậm nhất là mười ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng Nhân dân khóa mới do Chủ tịch Hội đồng Nhân dân khóa trước triệu tập chậm nhất là ba mươi ngày sau khi bầu xong đại biểu Hội đồng Nhân dân. Ở miền núi, nơi nào đi lại khó khăn thì kỳ họp thứ nhất của Hội đồng Nhân dân tỉnh được triệu tập chậm nhất là bốn mươi lăm ngày sau khi bầu xong đại biểu Hội đồng Nhân dân. Trong trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng Nhân dân thì Phó Chủ tịch Hội đồng Nhân dân triệu tập kỳ họp thứ nhất của Hội đồng Nhân dân khóa mới. Nếu khuyết cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng Nhân dân thì Thường trực Hội đồng Nhân dân cấp trên trực tiếp chỉ định triệu tập viên để triệu tập và chủ tọa kỳ họp cho đến khi Hội đồng Nhân dân bầu được Chủ tịch Hội đồng Nhân dân; ở cấp tỉnh thì do Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ định triệu tập viên.

Dự kiến chương trình kỳ họp, giấy triệu tập kỳ họp, báo cáo, đề án trình Hội đồng Nhân dân tại kỳ họp và các tài liệu cần thiết khác phải gửi đến đại biểu Hội đồng Nhân dân chậm nhất là bảy ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

Ngày họp, nơi họp và dự kiến chương trình làm việc của kỳ họp Hội đồng Nhân dân phải được thông báo cho nhân dân biết chậm nhất là năm ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

Điều 11.- Thường trực Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh, có trách nhiệm gửi giấy mời và những văn bản cần thiết có liên quan đến kỳ họp Hội đồng Nhân dân cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ, đại biểu Quốc hội được bầu ra ở địa phương. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và người đứng đầu các đoàn thể nhân dân cùng cấp.

Thường trực Hội đồng Nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân cấp xã có trách nhiệm gửi giấy mời và những văn bản cần thiết có liên quan đến kỳ họp Hội đồng Nhân dân cho Thường trực Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân cấp trên trực tiếp, đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng Nhân dân cấp trên được bầu ra ở địa phương. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và người đứng đầu các đoàn thể nhân dân cùng cấp.

Các cơ quan thông tin, báo chí ở địa phương được mời dự các phiên họp công khai của Hội đồng Nhân dân.

Điều 12 -

1. Tại phiên họp đầu tiên của kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa, Hội đồng Nhân dân bầu Ban Thẩm tra tư cách đại biểu Hội đồng Nhân dân theo sự giới thiệu của Chủ tọa kỳ họp Hội đồng Nhân dân. Căn cứ báo cáo của Ban Thẩm tra tư cách đại biểu, Hội đồng Nhân dân ra nghị quyết xác nhận tư cách các đại biểu Hội đồng Nhân dân hoặc tuyên bố việc bầu đại biểu nào đó là không có giá trị. Trong nhiệm kỳ, nếu có bầu cử bổ sung đại biểu thì Hội đồng Nhân dân thành lập Ban Thẩm tra tư cách đại biểu mới để xác nhận tư cách đại biểu được bầu bổ sung. Ban Thẩm tra tư cách đại biểu hết nhiệm vụ khi việc thẩm tra tư cách đại biểu đã hoàn thành.

2. Tại kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa, Hội đồng Nhân dân bầu:

a) Chủ tịch Hội đồng Nhân dân trong số các đại biểu Hội đồng Nhân dân theo sự giới thiệu của Chủ tọa kỳ họp;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng Nhân dân, Trưởng ban và các thành viên khác của các Ban của Hội đồng Nhân dân trong số các đại biểu Hội đồng Nhân dân theo sự giới thiệu của Chủ tịch Hội đồng Nhân dân;

c) Chủ tịch Ủy ban Nhân dân trong số các đại biểu Hội đồng Nhân dân theo sự giới thiệu của Chủ tịch Hội đồng Nhân dân;

d) Phó Chủ tịch và các thành viên khác của Ủy ban Nhân dân theo sự giới thiệu của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân;

đ) Thư ký kỳ họp của mỗi khóa Hội đồng Nhân dân, theo sự giới thiệu của Chủ tọa kỳ họp.

3. Đại biểu Hội đồng Nhân dân có quyền giới thiệu và ứng cử vào các chức vụ quy định tại Điều này. Việc bầu cử các chức vụ quy định tại Khoản 2 Điều này được tiến hành bằng cách bỏ phiếu kín theo danh sách đề cử chức vụ từng người.

Điều 13.- Tại kỳ họp thường lệ, Hội đồng Nhân dân quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; quyết định dự toán và phân bổ ngân sách, phê chuẩn ngân sách, quyết định các chủ trương, biện pháp để triển khai thực hiện ngân sách địa phương; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết theo

quy định của pháp luật; quyết định những vấn đề khác thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình; xem xét báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng Nhân dân, Thường trực Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân cùng cấp, ở cấp xã thì báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân; xem xét báo cáo công tác của Tòa án Nhân dân, Viện Kiểm sát Nhân dân cùng cấp. Khi cần thiết Hội đồng Nhân dân xem xét báo cáo của các ngành và các cơ quan Nhà nước hữu quan và ra nghị quyết về những vấn đề mà Hội đồng Nhân dân xem xét.

Kỳ họp cuối nhiệm kỳ được triệu tập chậm nhất là sáu mươi ngày trước ngày bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân khóa mới. Tại kỳ họp này, ngoài những nội dung của kỳ họp thường lệ, Hội đồng Nhân dân, Thường trực Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân cùng cấp, ở cấp xã thì Hội đồng Nhân dân, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ hoạt động của mình.

Điều 14.- Thường trực Hội đồng Nhân dân, ở cấp xã thì Chủ tịch Hội đồng Nhân dân chủ tọa kỳ họp Hội đồng Nhân dân cùng cấp.

Kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa Hội đồng Nhân dân do Chủ tịch Hội đồng Nhân dân khóa trước chủ tọa cho đến khi Hội đồng Nhân dân bầu được Chủ tịch Hội đồng Nhân dân khóa mới.

Điều 15.- Thư ký kỳ họp của mỗi khóa Hội đồng Nhân dân có nhiệm vụ:

1. Lập danh sách đại biểu Hội đồng Nhân dân có mặt, vắng mặt trong các phiên họp và trong cả kỳ họp;
2. Làm biên bản kỳ họp;
3. Tổng hợp ý kiến phát biểu và thảo luận của đại biểu trong phiên họp Tổ và tại phiên họp toàn thể;
4. Giúp Chủ tọa kỳ họp trong việc điều khiển thảo luận và biểu quyết;
5. Giúp Thường trực Hội đồng Nhân dân, ở cấp xã thì giúp Chủ tịch Hội đồng Nhân dân phối hợp với các cơ quan hữu quan dự thảo nghị quyết và trình Hội đồng Nhân dân dự thảo nghị quyết kỳ họp.

Điều 16.- Hội đồng Nhân dân xem xét, thông qua các báo cáo, đề án theo trình tự sau đây:

1. Đại diện tổ chức hoặc cá nhân trình báo cáo, đề án thuyết trình trước Hội đồng Nhân dân;

2. Đại diện Ban của Hội đồng Nhân dân được giao thẩm tra báo cáo, đề án trình báo cáo thẩm tra về báo cáo, đề án đó;

3. Hội đồng Nhân dân thảo luận;

Trước khi Hội đồng Nhân dân thảo luận tại phiên họp toàn thể, có thể thảo luận ở Tổ đại biểu Hội đồng Nhân dân;

4. Trong quá trình thảo luận tại phiên họp toàn thể, Chủ tọa có thể nêu những vấn đề còn có ý kiến khác nhau để Hội đồng Nhân dân xem xét, quyết định. Khi cần thiết, Hội đồng Nhân dân yêu cầu cơ quan hữu quan báo cáo về những vấn đề mà đại biểu Hội đồng Nhân dân quan tâm. Chủ tọa hoặc đại biểu Hội đồng Nhân dân có thể đề nghị kết thúc việc thảo luận bằng cách biểu quyết. Khi vấn đề đã được nêu ra để lấy biểu quyết thì việc thảo luận kết thúc. Cơ quan hoặc người trình báo cáo, đề án báo cáo việc tiếp thu, chỉnh lý báo cáo, đề án theo ý kiến của Hội đồng Nhân dân;

5. Hội đồng Nhân dân biểu quyết thông qua báo cáo, đề án bằng một trong hai cách sau đây: biểu quyết từng vấn đề, sau đó biểu quyết toàn bộ hoặc nghe đọc toàn văn rồi biểu quyết toàn bộ một lần. Quyết định thông qua báo cáo, đề án của Hội đồng Nhân dân được thể hiện trong nghị quyết của Hội đồng Nhân dân.

Điều 17.- Nghị quyết của Hội đồng Nhân dân phải được quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng Nhân dân biểu quyết tán thành, trường hợp bãi nhiệm đại biểu Hội đồng Nhân dân phải được hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng Nhân dân biểu quyết tán thành. Hội đồng Nhân dân quyết định việc biểu quyết bằng cách giơ tay, bỏ phiếu kín hoặc bằng cách khác theo đề nghị của Chủ tọa phiên họp.

Nghị quyết và biên bản các phiên họp Hội đồng Nhân dân do Chủ tịch Hội đồng Nhân dân ký chứng thực.

Chậm nhất là mười ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp, nghị quyết, biên bản, báo cáo, đề án của kỳ họp Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh phải được Thường trực Hội đồng Nhân dân gửi lên Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ; nghị quyết, biên bản, báo cáo, đề án tại kỳ họp Hội đồng Nhân dân cấp huyện phải được Thường trực Hội đồng Nhân dân gửi lên Thường trực Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh; nghị quyết và các văn bản của kỳ họp Hội đồng Nhân dân cấp xã phải được Chủ tịch Hội đồng Nhân

dân gửi lên Thường trực Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân cấp huyện.

Nghị quyết của Hội đồng Nhân dân phải được gửi đến các cơ quan hữu quan để thực hiện; việc công bố nghị quyết của Hội đồng Nhân dân trên các phương tiện thông tin đại chúng do Thường trực Hội đồng Nhân dân cùng cấp, ở cấp xã thì do Chủ tịch Hội đồng Nhân dân quyết định.

Điều 18.- Chậm nhất là mười lăm ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp Thường trực Hội đồng Nhân dân, ở cấp xã thì Chủ tịch Hội đồng Nhân dân đôn đốc các Tổ đại biểu Hội đồng Nhân dân phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức để các đại biểu Hội đồng Nhân dân báo cáo kết quả của kỳ họp Hội đồng Nhân dân với cử tri ở đơn vị bầu cử, phổ biến nghị quyết của Hội đồng Nhân dân và động viên nhân dân thực hiện nghị quyết đó.

Chương III

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP XÃ

Điều 19.- Thường trực Hội đồng Nhân dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 36 của Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân (sửa đổi) và các quy định chi tiết của Quy chế này. Thường trực Hội đồng Nhân dân hoạt động thường xuyên, bảo đảm việc tổ chức các hoạt động của Hội đồng Nhân dân, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng Nhân dân cùng cấp.

Chủ tịch Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện điều khiển công việc của Thường trực Hội đồng Nhân dân cùng cấp, thay mặt Thường trực Hội đồng Nhân dân giữ quan hệ chặt chẽ với Ủy ban Nhân dân, các cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên, các tổ chức xã hội khác và công dân. Chủ tịch Hội đồng Nhân dân phân công nhiệm vụ cụ thể cho Phó Chủ tịch Hội đồng Nhân dân để bảo đảm cho Thường trực Hội đồng Nhân dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình do pháp luật quy định.

Điều 20.- Trong việc chuẩn bị, triệu tập kỳ họp Hội đồng Nhân dân, Thường trực Hội đồng Nhân dân có trách nhiệm:

1. Phối hợp với Ủy ban Nhân dân chuẩn bị dự kiến chương trình kỳ họp, báo cáo, đề án trình Hội đồng Nhân dân xem xét, thông qua;

Chậm nhất là ba mươi ngày trước ngày triệu tập kỳ họp thường lệ, Thường trực Hội đồng Nhân dân họp với Ủy ban Nhân dân, các Trưởng ban, Phó Trưởng ban của Hội đồng Nhân dân cùng cấp quyết định dự kiến chương trình và những vấn đề khác có liên quan đến kỳ họp và giao cho các cơ quan hữu quan chuẩn bị nội dung kỳ họp. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp được mời dự cuộc họp này;

2. Quyết định và thông báo việc triệu tập kỳ họp Hội đồng Nhân dân, công bố dự kiến chương trình kỳ họp;

3. Tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri ở địa phương để báo cáo tại kỳ họp Hội đồng Nhân dân;

4. Bảo đảm việc chuẩn bị các dự thảo nghị quyết kỳ họp Hội đồng Nhân dân.

Điều 21.- Trong việc chủ tọa kỳ họp Hội đồng Nhân dân, Thường trực Hội đồng Nhân dân có trách nhiệm:

1. Điều khiển các phiên họp theo chương trình đã được Hội đồng Nhân dân thông qua;

2. Bảo đảm thảo luận dân chủ; tạo điều kiện để các đại biểu, nhất là đại biểu ở cơ sở đóng góp được nhiều ý kiến; lấy biểu quyết về những vấn đề được đưa ra thảo luận khi xét thấy cần thiết;

3. Chỉ đạo việc tổng hợp ý kiến đại biểu và tiếp thu chính lý đề án theo ý kiến của đại biểu.

Điều 22.- Trong việc đôn đốc và kiểm tra Ủy ban Nhân dân cùng cấp, các cơ quan Nhà nước khác ở địa phương thực hiện nghị quyết của Hội đồng Nhân dân, Thường trực Hội đồng Nhân dân có trách nhiệm:

1. Yêu cầu Ủy ban Nhân dân cùng cấp và các cơ quan Nhà nước khác ở địa phương báo cáo trực tiếp hoặc bằng văn bản về tình hình thực hiện nghị quyết của Hội đồng Nhân dân; thi hành các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện nghị quyết của Hội đồng Nhân dân;

2. Tổ chức các đoàn kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng Nhân dân;

3. Khi phát hiện có sai phạm trong việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng Nhân dân hoặc những sai phạm ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của nhân dân địa phương, Thường trực Hội

đồng Nhân dân có quyền yêu cầu Ủy ban Nhân dân hoặc các cơ quan Nhà nước hữu quan khác ở địa phương xem xét, xử lý và báo cáo kết quả với Thường trực Hội đồng Nhân dân trong thời hạn do Thường trực Hội đồng Nhân dân quy định. Trong trường hợp cần thiết, Thường trực Hội đồng Nhân dân có thể trình ra kỳ họp gần nhất của Hội đồng Nhân dân hoặc triệu tập kỳ họp bất thường để Hội đồng Nhân dân xem xét, quyết định:

4. Phối hợp với Ủy ban Nhân dân giải quyết những vấn đề nảy sinh khi thực hiện nghị quyết về nhiệm vụ trong năm của Hội đồng Nhân dân giữa hai kỳ họp Hội đồng Nhân dân; điều chỉnh, bổ sung những biện pháp nhằm bảo đảm thực hiện nghị quyết của Hội đồng Nhân dân theo đề nghị của Ủy ban Nhân dân, các Ban của Hội đồng Nhân dân đưng cấp và báo cáo để Hội đồng Nhân dân xem xét tại kỳ họp gần nhất.

Điều 23.- Trong việc điều hòa, phối hợp hoạt động các Ban của Hội đồng Nhân dân, Thường trực Hội đồng Nhân dân có trách nhiệm:

1. Phân công các Ban của Hội đồng Nhân dân thẩm tra các báo cáo, đề án trình Hội đồng Nhân dân xem xét, quyết định;

2. Phân công các Ban của Hội đồng Nhân dân tham gia hoạt động đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nghị quyết Hội đồng Nhân dân;

3. Điều hòa, phối hợp chương trình hoạt động của các Ban và đôn đốc các Ban hoạt động;

4. Tham dự các phiên họp của các Ban của Hội đồng Nhân dân khi xét thấy cần thiết;

5. Tổ chức và chủ trì các cuộc họp hàng tháng của Thường trực Hội đồng Nhân dân và các Trưởng ban, Phó Trưởng ban Hội đồng Nhân dân cùng cấp; khi cần thiết, mời Trưởng ban, Phó Trưởng ban hoặc các thành viên khác của Ban tham gia hoạt động của Thường trực Hội đồng Nhân dân.

Điều 24.- Trong việc giữ mối liên hệ với đại biểu Hội đồng Nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng Nhân dân, Thường trực Hội đồng Nhân dân có trách nhiệm:

1. Đôn đốc các Tổ đại biểu Hội đồng Nhân dân tổ chức để đại biểu Hội đồng Nhân dân tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, nguyện vọng của cử tri và báo cáo với cử tri về hoạt động của Hội đồng Nhân dân và việc thực hiện nhiệm vụ đại biểu của mình;

2. Theo dõi, tổng hợp các ý kiến kiến nghị của đại biểu Hội đồng Nhân dân để chuyển đến các cơ quan Nhà nước, tổ chức hữu quan nghiên cứu giải quyết; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết các ý kiến kiến nghị của đại biểu; báo cáo trước Hội đồng Nhân dân những ý kiến kiến nghị đó và kết quả giải quyết của các cơ quan, tổ chức hữu quan;

3. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các chính sách, chế độ đối với đại biểu Hội đồng Nhân dân.

Điều 25.- Trong việc tiếp dân, đôn đốc, kiểm tra và xem xét tình hình giải quyết các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân, Thường trực Hội đồng Nhân dân có trách nhiệm:

1. Tổ chức việc tiếp dân của Hội đồng Nhân dân, tiếp nhận các đơn thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân;

2. Giúp Hội đồng Nhân dân cùng cấp xem xét việc giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức và công dân, phản ánh của các cơ quan thông tin đại chúng đối với hoạt động của Hội đồng Nhân dân, đại biểu Hội đồng Nhân dân;

3. Nhận các đơn thư, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân và chuyển đến tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết;

4. Đôn đốc, kiểm tra tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân. Các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân và báo cáo bằng văn bản để Thường trực Hội đồng Nhân dân biết kết quả giải quyết.

Điều 26.- Ngoài những trách nhiệm quy định tại các Điều 20, 21, 22, 23, 24 và 25 của Quy chế này, Thường trực Hội đồng Nhân dân có trách nhiệm:

1. Báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội đồng Nhân dân ở địa phương lên Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân cấp trên trực tiếp, Thường trực Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh thì báo cáo lên Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ;

2. Tổ chức trao đổi kinh nghiệm hoạt động của Hội đồng Nhân dân, các Ban của Hội đồng Nhân dân bàn các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng Nhân dân ở địa phương;

3. Tổ chức nghiên cứu, quán triệt Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân, Quy chế Hoạt động của Hội đồng Nhân dân các cấp, các văn bản pháp luật khác, các chủ trương,

chính sách của Nhà nước cho đại biểu Hội đồng Nhân dân cấp mình;

4. Giữ mối quan hệ và phối hợp công tác với Đoàn đại biểu Quốc hội ở địa phương; tạo điều kiện để Đoàn công tác của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn công tác của Chính phủ khi về địa phương công tác;

5. Phối hợp với Ủy ban Nhân dân quyết định việc đưa ra Hội đồng Nhân dân hoặc cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng Nhân dân theo đề nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp;

Đối với Thường trực Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh còn có trách nhiệm xem xét, quyết định việc bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng Nhân dân cấp huyện, cấp xã theo quy định tại Điều 60 của Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân.

Điều 27. - Thường trực Hội đồng Nhân dân mỗi tháng họp ít nhất một lần để kiểm điểm việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Nhân dân và các quyết định của Thường trực Hội đồng Nhân dân và đề ra nhiệm vụ công tác tháng sau. Các Trưởng ban, Phó Trưởng ban của Hội đồng Nhân dân, đại diện Ủy ban Nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp được mời dự và được phát biểu ý kiến nhưng không biểu quyết. Đại diện các đoàn thể nhân dân có thể được mời dự các cuộc họp này khi bàn đến vấn đề liên quan.

Điều 28. - Chủ tịch Hội đồng Nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

1. Phối hợp với Ủy ban Nhân dân cùng cấp chuẩn bị dự kiến chương trình làm việc, báo cáo, đề án trình Hội đồng Nhân dân, triệu tập kỳ họp Hội đồng Nhân dân:

a) Quyết định và thông báo việc triệu tập kỳ họp Hội đồng Nhân dân, gửi giấy triệu tập và các tài liệu chính của kỳ họp cho đại biểu Hội đồng Nhân dân;

b) Công bố dự kiến chương trình làm việc của kỳ họp cho nhân dân biết;

c) Tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri đề báo cáo tại kỳ họp;

d) Bảo đảm việc chuẩn bị dự thảo nghị quyết Hội đồng Nhân dân.

2. Chủ tọa kỳ họp Hội đồng Nhân dân:

a) Điều khiển các phiên họp Hội đồng Nhân dân;

b) Bảo đảm thảo luận dân chủ;

c) Lấy biểu quyết khi xét thấy cần thiết.

3. Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Nhân dân:

a) Yêu cầu Ủy ban Nhân dân và các cơ quan Nhà nước khác ở địa phương báo cáo về tình hình thực hiện nghị quyết Hội đồng Nhân dân và thi hành các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện nghị quyết Hội đồng Nhân dân;

b) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện nghị quyết Hội đồng Nhân dân;

c) Khi phát hiện sai phạm trong việc thực hiện nghị quyết Hội đồng Nhân dân thì có quyền yêu cầu các cơ quan hoặc người sai phạm kịp thời khắc phục sai phạm đó. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân có thể trình ra kỳ họp gần nhất của Hội đồng Nhân dân hoặc triệu tập kỳ họp bất thường để Hội đồng Nhân dân xem xét, quyết định;

d) Phối hợp với Ủy ban Nhân dân giải quyết những vấn đề nảy sinh khi thực hiện nghị quyết của Hội đồng Nhân dân giữa hai kỳ họp Hội đồng Nhân dân; điều chỉnh, bổ sung những biện pháp nhằm bảo đảm thực hiện nghị quyết của Hội đồng Nhân dân theo đề nghị của Ủy ban Nhân dân và báo cáo để Hội đồng Nhân dân xem xét tại kỳ họp gần nhất.

4. Tổ chức việc tiếp dân, đôn đốc, kiểm tra việc giải quyết các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân:

a) Tổ chức việc tiếp dân của Hội đồng Nhân dân, tiếp nhận đơn thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân;

b) Giúp Hội đồng Nhân dân xem xét việc giải quyết các đơn thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân đối với Hội đồng Nhân dân;

c) Chuyển các đơn thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân đến các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết;

d) Đôn đốc, kiểm tra việc giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân.

5. Giữ mối liên hệ với các đại biểu Hội đồng Nhân dân và các Tổ đại biểu Hội đồng Nhân dân, báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng Nhân dân cấp mình lên Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân cấp trên trực tiếp. Tổ chức quán triệt Hiến pháp, Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân, Quy chế Hoạt động của Hội

đồng Nhân dân các cấp, các văn bản pháp luật khác, các chủ trương, chính sách của Nhà nước cho đại biểu Hội đồng Nhân dân cấp mình.

6. Giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với Ủy ban Nhân dân trong việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng Nhân dân và tạo điều kiện cho đại biểu và Tổ đại biểu Hội đồng Nhân dân hoạt động có hiệu quả.

7. Phối hợp với Ủy ban Nhân dân quyết định việc đưa ra Hội đồng Nhân dân hoặc cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng Nhân dân theo đề nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

Phó Chủ tịch Hội đồng Nhân dân cấp xã tham gia Chủ tọa kỳ họp Hội đồng Nhân dân; thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Nhân dân và thay mặt Chủ tịch Hội đồng Nhân dân khi Chủ tịch Hội đồng Nhân dân vắng mặt. Khi khuyết Chủ tịch Hội đồng Nhân dân thì Phó Chủ tịch Hội đồng Nhân dân quyền Chủ tịch Hội đồng Nhân dân cho đến khi Hội đồng Nhân dân bầu ra Chủ tịch Hội đồng Nhân dân.

Chương IV

CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 29.- Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh có ba Ban: Ban Kinh tế và ngân sách, Ban Văn hóa - xã hội, Ban Pháp chế; nơi nào có nhiều dân tộc thì có thể thành lập Ban Dân tộc.

Hội đồng Nhân dân cấp huyện có hai Ban: Ban Kinh tế - xã hội, Ban Pháp chế.

Mỗi Ban gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các ủy viên. Số lượng thành viên của mỗi Ban do Hội đồng Nhân dân cùng cấp quyết định. Thành viên của các Ban Hội đồng Nhân dân không thể đồng thời là thành viên của Ủy ban Nhân dân cùng cấp. Trưởng ban Hội đồng Nhân dân không thể đồng thời là Thủ trưởng của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp.

Điều 30.- Các Ban Hội đồng Nhân dân làm việc theo chế độ tập thể. Trưởng ban điều hành việc thực hiện chương trình công tác của Ban, chuẩn bị, triệu tập và chủ tọa các phiên họp của Ban.

Phó Trưởng ban giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ và được phân công phụ trách một số công việc của Ban. Khi Trưởng ban vắng mặt, một Phó Trưởng ban được Trưởng ban ủy quyền điều hành công việc của Ban.

Trưởng ban Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh có thể làm việc theo chế độ chuyên trách, nếu Trưởng ban làm việc kiêm nhiệm thì Phó Trưởng ban làm việc chuyên trách. Đối với Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban làm việc kiêm nhiệm thì Hội đồng Nhân dân quy định thời gian mà Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban đó phải dành cho hoạt động của Ban. Mỗi Ban có ít nhất một chuyên viên giúp việc.

Điều 31.- Các Ban của Hội đồng Nhân dân các cấp phối hợp công tác và trao đổi kinh nghiệm hoạt động về những vấn đề có liên quan. Các Ban của Hội đồng Nhân dân phối hợp với Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội khi Hội đồng, các Ủy ban về công tác ở địa phương, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội trao đổi kinh nghiệm với các Ban của Hội đồng Nhân dân về lĩnh vực hoạt động của mình.

Các Ban Hội đồng Nhân dân cử thành viên tham gia đoàn công tác của Thường trực Hội đồng Nhân dân cùng cấp khi Thường trực Hội đồng Nhân dân yêu cầu.

Điều 32.- Ủy ban Nhân dân, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp, các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu về những vấn đề mà các Ban của Hội đồng Nhân dân quan tâm và tạo điều kiện cho các Ban làm nhiệm vụ.

Khi tiến hành các hoạt động giúp Hội đồng Nhân dân giám sát, nếu phát hiện có vi phạm pháp luật, các Ban của Hội đồng Nhân dân có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị vi phạm chấm dứt các hành vi vi phạm đó, đồng thời báo cáo với Thường trực Hội đồng Nhân dân và báo cáo với Hội đồng Nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

Điều 33.- Căn cứ vào chương trình hoạt động của Hội đồng Nhân dân, các Ban của Hội đồng Nhân dân xây dựng chương trình công tác của mình.

Hàng tháng, các Ban họp để kiểm điểm việc thực hiện chương trình công tác của Ban; chuẩn bị thẩm tra, báo cáo, đề án được phân công; bàn

công tác tháng sau và phân công các thành viên của Ban hoạt động.

Điều 34. Ban Kinh tế và ngân sách của Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

1. Tham gia chuẩn bị dự kiến chương trình kỳ họp, nội dung các báo cáo, đề án trình Hội đồng Nhân dân xem xét, thông qua tại kỳ họp;

2. Thẩm tra các báo cáo, đề án liên quan đến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; khuyến khích phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, sản xuất kinh doanh thương mại, dịch vụ; ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; bảo vệ và cải thiện môi trường;

3. Thẩm tra báo cáo dự toán và phân bổ ngân sách địa phương; phê chuẩn quyết toán ngân sách, điều chỉnh dự toán trong trường hợp cần thiết; thu phí, lệ phí và các khoản đóng góp của nhân dân theo quy định của pháp luật; chủ trương, biện pháp để thực hiện ngân sách của địa phương;

4. Giúp Hội đồng Nhân dân cùng cấp giám sát hoạt động của Ủy ban Nhân dân, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về lĩnh vực kinh tế, ngân sách; khoa học, công nghệ và môi trường;

5. Giúp Hội đồng Nhân dân cùng cấp giám sát các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân trong việc thi hành Hiến pháp, luật, các văn bản của cơ quan Nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng Nhân dân cùng cấp thuộc lĩnh vực hoạt động của mình;

6. Tổ chức khảo sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về kinh tế, ngân sách, khoa học, công nghệ và môi trường ở địa phương;

7. Kiến nghị với Hội đồng Nhân dân về những vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Ban.

Điều 35. - Ban Văn hóa - xã hội của Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

1. Tham gia chuẩn bị dự kiến chương trình kỳ họp, nội dung các báo cáo, đề án trình Hội đồng Nhân dân xem xét, thông qua tại kỳ họp Hội đồng Nhân dân;

2. Thẩm tra các báo cáo, đề án, chủ trương, biện pháp phát triển sự nghiệp văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao; xây dựng nếp sống văn minh, gia

đình văn hóa, phòng, chống tệ nạn xã hội; phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo; chủ trương, biện pháp phân bổ, sử dụng lao động, giải quyết việc làm, cải thiện đời sống nhân dân; bảo vệ sức khỏe của nhân dân; phòng, chống dịch bệnh; thực hiện chính sách xã hội và cứu tế xã hội;

3. Giúp Hội đồng Nhân dân cùng cấp giám sát các hoạt động của Ủy ban Nhân dân, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về lĩnh vực văn hóa, giáo dục và đời sống;

4. Giúp Hội đồng Nhân dân cùng cấp giám sát cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân trong việc thi hành Hiến pháp, luật, các văn bản của cơ quan Nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng Nhân dân cùng cấp thuộc lĩnh vực hoạt động của mình;

5. Tổ chức khảo sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về văn hóa, giáo dục, xã hội và đời sống ở địa phương;

6. Kiến nghị với Hội đồng Nhân dân về những vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Ban.

Ở những nơi có nhiều dân tộc nhưng Hội đồng Nhân dân tỉnh không thành lập Ban Dân tộc thì hoạt động của Ban Văn hóa - xã hội bao gồm cả những vấn đề thuộc lĩnh vực chính sách dân tộc được quy định tại Điều 37 của Quy chế này

Điều 36. Ban Pháp chế của Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

1. Tham gia chuẩn bị dự kiến chương trình kỳ họp, nội dung các báo cáo, đề án trình Hội đồng Nhân dân xem xét, thông qua tại kỳ họp Hội đồng Nhân dân;

2. Thẩm tra các báo cáo của Ủy ban Nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp; các báo cáo, đề án liên quan đến lĩnh vực quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng ngừa, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác; đấu tranh chống tham nhũng, chống buôn lậu;

3. Thẩm tra báo cáo trình Hội đồng Nhân dân về việc bãi bỏ những quyết định sai trái của Ủy ban Nhân dân cùng cấp, bãi bỏ hoặc yêu cầu sửa đổi những nghị quyết sai trái của Hội đồng Nhân dân cấp huyện, giải tán Hội đồng Nhân dân cấp huyện, phê chuẩn nghị quyết giải tán Hội đồng Nhân dân cấp xã của Hội đồng Nhân dân cấp huyện trong trường hợp Hội đồng Nhân dân do

làm thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của nhân dân; thẩm tra đề án phân vạch, điều chỉnh địa giới các đơn vị hành chính ở địa phương;

4. Giúp Hội đồng Nhân dân cùng cấp giám sát các hoạt động của Ủy ban Nhân dân, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp;

5. Giúp Hội đồng Nhân dân cùng cấp giám sát các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân trong việc thi hành Hiến pháp, luật, các văn bản của cơ quan Nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng Nhân dân cùng cấp;

6. Tổ chức khảo sát tình hình thực hiện quy định của pháp luật về lĩnh vực hoạt động của Ban;

7. Tham gia xây dựng kế hoạch tuyên truyền, giáo dục pháp luật, kiểm tra việc thi hành Hiến pháp, luật, các văn bản của cơ quan Nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng Nhân dân cùng cấp;

8. Kiến nghị với Hội đồng Nhân dân về những biện pháp bảo đảm việc thi hành pháp luật ở địa phương.

Điều 37.- Ban Dân tộc của Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

1. Tham gia chuẩn bị dự kiến chương trình kỳ họp, nội dung các báo cáo, đề án trình Hội đồng Nhân dân xem xét, thông qua tại kỳ họp của Hội đồng Nhân dân;

2. Thẩm tra các báo cáo, đề án có liên quan đến việc thực hiện chính sách dân tộc, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, nâng cao dân trí của đồng bào các dân tộc thiểu số; quyền bình đẳng giữa các dân tộc;

3. Giúp Hội đồng Nhân dân cùng cấp giám sát hoạt động của Ủy ban Nhân dân, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân trong việc thực hiện chính sách dân tộc;

4. Giúp Hội đồng Nhân dân cùng cấp giám sát các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân trong việc thi hành Hiến pháp, luật, các văn bản của các cơ quan Nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng Nhân dân cùng cấp liên quan đến chính sách dân tộc;

5. Tổ chức khảo sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về chính sách dân tộc;

6. Kiến nghị với Hội đồng Nhân dân về những vấn đề thực hiện chính sách dân tộc.

Điều 38.- Ban Kinh tế - xã hội của Hội đồng Nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

1. Tham gia chuẩn bị dự kiến chương trình kỳ họp, nội dung các báo cáo, đề án trình Hội đồng Nhân dân xem xét, thông qua tại kỳ họp của Hội đồng Nhân dân;

2. Thẩm tra các báo cáo, đề án phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương; phân bổ lao động và dân cư; thực hiện các chương trình khuyến khích nông nghiệp, khuyến khích lâm nghiệp, khuyến khích ngư nghiệp và phát triển tiểu thủ công nghiệp; xây dựng và phát triển hợp tác xã; sử dụng, quản lý đất đai; bảo vệ rừng; quy hoạch thủy lợi, bảo vệ đề điều và các công trình thủy lợi; ứng dụng tiến bộ, khoa học kỹ thuật công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống, bảo vệ và cải thiện môi trường, phòng, chống, khắc phục thiên tai; tiết kiệm trong hoạt động quản lý Nhà nước; phát triển sự nghiệp văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao; phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo; xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa, phòng, chống các tệ nạn xã hội và những biểu hiện không lành mạnh trong đời sống xã hội ở địa phương; thực hiện chính sách cứu tế xã hội;

3. Thẩm tra các báo cáo dự toán và phân bổ ngân sách, phê chuẩn quyết toán ngân sách, điều chỉnh dự toán ngân sách trong trường hợp cần thiết; chủ trương, biện pháp để thực hiện ngân sách của địa phương;

4. Giúp Hội đồng Nhân dân cùng cấp giám sát hoạt động của Ủy ban Nhân dân, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình về các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, đời sống, khoa học, công nghệ và môi trường;

5. Giúp Hội đồng Nhân dân cùng cấp giám sát các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân trong việc thi hành Hiến pháp, luật, các văn bản của cơ quan Nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng Nhân dân cùng cấp thuộc các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, đời sống, khoa học, công nghệ và môi trường;

6. Tổ chức khảo sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về kinh tế, văn hóa, xã hội, đời sống, khoa học, công nghệ và môi trường;

7. Kiến nghị với Hội đồng Nhân dân về những vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Ban.

Điều 39.- Ban Pháp chế của Hội đồng Nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

1. Tham gia chuẩn bị dự kiến chương trình kỳ họp, nội dung các báo cáo, đề án trình Hội đồng Nhân dân xem xét, thông qua tại kỳ họp Hội đồng Nhân dân;

2. Thẩm tra các báo cáo của Ủy ban Nhân dân, của Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp; các báo cáo, đề án liên quan đến lĩnh vực quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng ngừa, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác; chống buôn lậu, chống tham nhũng;

3. Thẩm tra báo cáo trình Hội đồng Nhân dân về việc bãi bỏ quyết định sai trái của Ủy ban Nhân dân cùng cấp, bãi bỏ hoặc yêu cầu sửa đổi nghị quyết sai trái của Hội đồng Nhân dân cấp xã, quyết định giải tán Hội đồng Nhân dân cấp xã trong trường hợp Hội đồng Nhân dân đó làm thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của nhân dân; thẩm tra đề án phân vạch, điều chỉnh địa giới các đơn vị hành chính ở địa phương;

4. Giúp Hội đồng Nhân dân cùng cấp giám sát hoạt động của Ủy ban Nhân dân, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về lĩnh vực thi hành pháp luật, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

5. Giúp Hội đồng Nhân dân cùng cấp giám sát các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân trong việc thi hành Hiến pháp, luật, các văn bản của cơ quan Nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng Nhân dân cùng cấp về lĩnh vực thi hành pháp luật, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

6. Tổ chức khảo sát tình hình thực hiện pháp luật về lĩnh vực hoạt động của Ban;

7. Tham gia xây dựng kế hoạch tuyên truyền, giáo dục pháp luật, kiểm tra thi hành pháp luật, các văn bản của cơ quan Nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng Nhân dân.

8. Kiến nghị với Hội đồng Nhân dân về những vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Ban.

Điều 40.- Các Ban của Hội đồng Nhân dân chịu trách nhiệm thẩm tra báo cáo, đề án về những lĩnh vực thuộc hoạt động của Ban. Ngoài ra các Ban Hội đồng Nhân dân còn thẩm tra các báo cáo, đề án khác theo sự phân công của Hội đồng Nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng Nhân dân cùng cấp.

Đề chuẩn bị cho việc thẩm tra, các Ban của Hội đồng Nhân dân có thể cử thành viên tham gia nghiên cứu báo cáo, đề án; yêu cầu cơ quan soạn thảo và các cơ quan hữu quan cung cấp tài liệu và trình bày về vấn đề mà Ban thẩm tra, tổ chức họp lấy ý kiến của những người am hiểu về vấn đề đó, khảo sát tình hình thực tế tại địa phương, cơ sở về những nội dung liên quan đến báo cáo, đề án.

Việc thẩm tra báo cáo, đề án của các Ban được tiến hành theo trình tự sau đây:

a) Đại diện cơ quan, cá nhân trình báo cáo, đề án trình bày nội dung báo cáo, đề án;

b) Đại diện cơ quan, tổ chức hữu quan phát biểu ý kiến;

c) Các thành viên của Ban thảo luận;

d) Chủ tọa phiên họp kết luận.

Báo cáo tham tra của các ban Hội đồng Nhân dân được Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban thay mặt Ban trình bày trước Hội đồng Nhân dân. Nội dung của báo cáo thẩm tra phải nêu được ý kiến đánh giá của Ban về báo cáo, đề án, những vấn đề được Ban nhất trí, những vấn đề Ban không nhất trí hoặc còn có ý kiến khác nhau, những kiến nghị sửa đổi, bổ sung để Hội đồng Nhân dân xem xét, quyết định.

Chương V

QUAN HỆ GIỮA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP XÃ, CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VỚI ỦY BAN NHÂN DÂN

Điều 41.- Thường trực Hội đồng Nhân dân, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân cấp xã phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Nhân dân, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân trong việc

09651570
TĐT: +84-8-3845 6664 * www.ThuVienPhapLuat.com

chuẩn bị dự kiến chương trình làm việc của kỳ họp, các báo cáo, đề án trình ra Hội đồng Nhân dân, giải quyết những vấn đề nảy sinh khi thực hiện nghị quyết của Hội đồng Nhân dân giữa hai kỳ họp về nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương, theo dõi việc tổ chức triển khai và thực hiện nghị quyết Hội đồng Nhân dân.

Điều 42.- Thường trực Hội đồng Nhân dân, ở cấp xã thì Chủ tịch Hội đồng Nhân dân được mời dự các cuộc họp hàng tháng của Ủy ban Nhân dân bàn việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế, ngân sách và các nhiệm vụ khác liên quan đến Hội đồng Nhân dân và các cuộc họp tổng kết công tác của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân cùng cấp. Các Trưởng ban, Phó Trưởng ban của Hội đồng Nhân dân được mời dự các cuộc họp của Ủy ban Nhân dân, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân cùng cấp về những vấn đề có liên quan.

Ủy ban Nhân dân được mời dự các cuộc họp hàng tháng của Thường trực Hội đồng Nhân dân kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng Nhân dân; kiểm điểm việc thực hiện công tác và xây dựng chương trình công tác của tháng sau. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân được mời dự các cuộc họp của Thường trực Hội đồng Nhân dân về những vấn đề liên quan.

Các Ban của Hội đồng Nhân dân mời đại diện Ủy ban Nhân dân, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân tham dự các cuộc họp thẩm tra báo cáo, đề án trình ra Hội đồng Nhân dân, tham gia đoàn công tác giám sát của Ban khi cần thiết; gửi chương trình công tác của Ban cho Ủy ban Nhân dân, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân.

Điều 43.- Ủy ban Nhân dân có trách nhiệm cung cấp cho Thường trực Hội đồng Nhân dân, các Ban của Hội đồng Nhân dân, các đại biểu Hội đồng Nhân dân cùng cấp và Chủ tịch Hội đồng Nhân dân cấp dưới trực tiếp những văn bản và tài liệu của Ủy ban Nhân dân ban hành có liên quan đến hoạt động của Hội đồng Nhân dân.

Ở cấp xã, Ủy ban Nhân dân có trách nhiệm cung cấp cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhân dân, các đại biểu Hội đồng Nhân dân những văn bản và tài liệu của Ủy ban Nhân dân ban hành liên quan đến hoạt động của Hội đồng Nhân dân.

Chương VI

QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VỚI MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC THÀNH VIÊN, CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI KHÁC

Điều 44.- Hội đồng Nhân dân các cấp phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức xã hội khác ở địa phương, xây dựng mối quan hệ làm việc để hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Mỗi năm hai lần, vào giữa năm và cuối năm, Thường trực Hội đồng Nhân dân, ở cấp xã thì Chủ tịch Hội đồng Nhân dân thông báo bằng văn bản đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp về tình hình hoạt động của Hội đồng Nhân dân cấp mình và nêu những kiến nghị của Hội đồng Nhân dân với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Trong kỳ họp thường lệ của Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam báo cáo về hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia xây dựng chính quyền, về những ý kiến kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân và đại biểu Hội đồng Nhân dân cùng cấp.

Điều 45.- Thường trực Hội đồng Nhân dân, ở cấp xã thì Chủ tịch Hội đồng Nhân dân phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân cùng cấp theo dõi hoạt động và giúp đỡ đại biểu Hội đồng Nhân dân làm nhiệm vụ đại biểu, tổ chức cho đại biểu tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, nguyện vọng của nhân dân để báo cáo với Hội đồng Nhân dân.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân thường xuyên giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của đại biểu Hội đồng Nhân dân, đề nghị khen thưởng những đại biểu có thành tích xuất sắc, đề nghị bãi nhiệm những đại biểu không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân theo quy định của pháp luật.

Điều 46.- Thường trực Hội đồng Nhân dân, ở cấp xã thì Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tổ chức đề đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tham gia các hoạt động giám sát, kiểm tra; phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp trong việc tổ

chức lấy ý kiến nhân dân về các dự thảo văn bản pháp luật và những vấn đề quan trọng ở địa phương.

Chương VII

NHỮNG BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 47.- Kinh phí hoạt động của Hội đồng Nhân dân là một khoản trong ngân sách của địa phương do Thường trực Hội đồng Nhân dân, ở cấp xã thì Chủ tịch Hội đồng Nhân dân trình Hội đồng Nhân dân cùng cấp quyết định theo hướng dẫn của Chính phủ.

Chủ tịch Hội đồng Nhân dân chỉ đạo thực hiện việc sử dụng kinh phí hoạt động của Hội đồng Nhân dân.

Điều 48.- Đại biểu Hội đồng Nhân dân đương nhiệm được hưởng các chế độ như sau:

1. Được cung cấp báo cáo định kỳ của Thường trực Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân cùng cấp và các tài liệu khác liên quan đến hoạt động của Hội đồng Nhân dân;

2. Mỗi tháng được cấp một khoản sinh hoạt phí:

- Sinh hoạt phí của đại biểu Hội đồng Nhân dân cấp xã bằng 0,2 hệ số lương tối thiểu;

- Sinh hoạt phí của đại biểu Hội đồng Nhân dân cấp huyện bằng 0,3 hệ số lương tối thiểu;

- Sinh hoạt phí của đại biểu Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh bằng 0,4 hệ số lương tối thiểu;

3. Nếu đại biểu không thuộc biên chế Nhà nước hoặc làm việc trong biên chế Nhà nước nhưng đã nghỉ theo chế độ được cấp một thẻ bảo hiểm y tế; được hưởng chế độ mai táng phí khi qua đời theo quy định của Hội đồng Nhân dân cùng cấp;

4. Khi đại biểu Hội đồng Nhân dân làm nhiệm vụ đại biểu thì:

Ngày hoạt động của đại biểu Hội đồng Nhân dân thuộc khu vực hành chính sự nghiệp, đơn vị vũ trang do cơ quan, đơn vị ở nơi đại biểu làm việc đại trả tiền lương và phụ cấp.

Nếu đại biểu làm việc ở đơn vị sản xuất kinh doanh hoặc không thuộc biên chế Nhà nước thì

được cấp kinh phí hoạt động theo quyết định của Hội đồng Nhân dân cấp đó.

Kinh phí cho sinh hoạt phí, công tác phí, bảo hiểm y tế và chế độ mai táng phí là một khoản nằm trong kinh phí hoạt động của Hội đồng Nhân dân cùng cấp.

Điều 49.- Đại biểu đương nhiệm được cấp và sử dụng Thẻ đại biểu Hội đồng Nhân dân. Mẫu Thẻ đại biểu Hội đồng Nhân dân do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định. Thẻ đại biểu Hội đồng Nhân dân do Chủ tịch Hội đồng Nhân dân cùng cấp ký chứng thực.

Khi làm nhiệm vụ đại biểu, đại biểu xuất trình Thẻ đại biểu Hội đồng Nhân dân.

Điều 50.- Hội đồng Nhân dân, Thường trực Hội đồng Nhân dân, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân cấp xã, đại biểu Hội đồng Nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng Nhân dân, các Ban của Hội đồng Nhân dân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được xét khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 51.- Trong thời gian Hội đồng Nhân dân họp, nếu không được sự đồng ý của Chủ tọa kỳ họp thì không được bắt giữ đại biểu Hội đồng Nhân dân. Nếu vi phạm pháp luật hoặc trong trường hợp khẩn cấp mà đại biểu Hội đồng Nhân dân bị tạm giữ thì cơ quan ra lệnh tạm giữ phải thông báo ngay bằng văn bản với Chủ tọa kỳ họp.

Giữa hai kỳ họp Hội đồng Nhân dân, nếu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra lệnh tạm giữ đại biểu Hội đồng Nhân dân thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Chủ tịch Hội đồng Nhân dân và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cùng cấp.

Điều 52.- Đại biểu Hội đồng Nhân dân là cán bộ, viên chức Nhà nước vi phạm kỷ luật phải xử lý buộc thôi việc, cách chức, tạm đình chỉ công tác thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền trước khi ra quyết định kỷ luật phải báo cáo bằng văn bản cho Thường trực Hội đồng Nhân dân, ở cấp xã thì phải báo cáo cho Chủ tịch Hội đồng Nhân dân.

Đại biểu Hội đồng Nhân dân là cán bộ, viên chức Nhà nước chuyên công tác di khỏi địa phương nơi đại biểu được bầu thì trước khi ra quyết định chuyển chuyển, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền phải tham khảo ý kiến của Thường trực Hội đồng Nhân dân cùng cấp, ở cấp xã thì phải tham khảo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng

Nhân dân, Thường trực Hội đồng Nhân dân, ở cấp xã thì Chủ tịch Hội đồng Nhân dân báo cáo Hội đồng Nhân dân và cử tri nơi bầu ra đại biểu đó biết việc chuyển công tác của đại biểu.

Điều 53.- Hội đồng Nhân dân các cấp có trụ sở làm việc, có Văn phòng giúp việc. Tổ chức Văn phòng giúp việc Hội đồng Nhân dân do Chính phủ hướng dẫn.

Thường trực Hội đồng Nhân dân có bộ phận giúp việc gồm một số chuyên viên có năng lực, kinh nghiệm về công tác xây dựng chính quyền do Thường trực Hội đồng Nhân dân chọn và quản lý. Số chuyên viên của Thường trực Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh nhiều nhất là năm người, ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh nhiều nhất là bảy người, cấp huyện là hai người.

Hội đồng Nhân dân, Thường trực Hội đồng Nhân dân, các Ban của Hội đồng Nhân dân sử dụng con dấu của Hội đồng Nhân dân cùng cấp. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhân dân cấp xã sử dụng con dấu của Hội đồng Nhân dân cấp mình.

Chương VIII

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TRONG TRƯỜNG HỢP THAY ĐỔI CẤP HOẶC ĐỊA GIỚI CỦA CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH VÀ TRONG TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT

Điều 54.- Trong trường hợp thay đổi cấp quản lý hành chính hoặc địa giới của các đơn vị hành chính và trong trường hợp đặc biệt, Hội đồng Nhân dân tổ chức và hoạt động theo quy định tại Chương IV của Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân (sửa đổi) và các quy định của Quy chế này.

Điều 55.- Trong trường hợp nhiều đơn vị hành chính sáp nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì Hội đồng Nhân dân của các đơn vị hành chính cũ được nhập thành Hội đồng Nhân dân của đơn vị hành chính mới và tiếp tục hoạt động cho đến khi hết nhiệm kỳ.

Trong trường hợp một đơn vị hành chính được chia thành nhiều đơn vị hành chính mới cùng cấp, các đại biểu Hội đồng Nhân dân đã được bầu hoặc công tác ở địa hạt đơn vị hành chính mới nào thì hợp thành Hội đồng Nhân dân của đơn vị

hành chính đó và tiếp tục hoạt động cho đến khi hết nhiệm kỳ.

Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng Nhân dân ở đơn vị hành chính mới quy định tại Điều này do một triệu tập viên chọn trong số đại biểu Hội đồng Nhân dân của đơn vị hành chính đó triệu tập và chủ tọa cho đến khi Hội đồng Nhân dân bầu được Chủ tịch Hội đồng Nhân dân của đơn vị hành chính mới. Thường trực Hội đồng Nhân dân cấp trên trực tiếp chỉ định triệu tập viên, đối với cấp tỉnh thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

Trong nhiệm kỳ, nếu đơn vị bầu cử nào khuyết đại biểu Hội đồng Nhân dân thì có thể tổ chức bầu cử bổ sung.

Trong trường hợp một đơn vị hành chính mới được chia có số lượng đại biểu Hội đồng Nhân dân được bầu trước đó ở địa hạt thuộc đơn vị hành chính này không đủ hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng Nhân dân theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân thì phải tổ chức bầu cử bổ sung trước khi tiến hành kỳ họp thứ nhất Hội đồng Nhân dân; việc bầu cử bổ sung được tiến hành theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân.

Điều 56.- Trong trường hợp một đơn vị hành chính được thay đổi cấp quản lý hành chính hoặc trong trường hợp thành lập một đơn vị hành chính mới hoặc trong trường hợp Hội đồng Nhân dân bị giải tán thì Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp trên trực tiếp chỉ định Ủy ban Nhân dân lâm thời hoạt động cho đến khi Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân được bầu ra; ở đơn vị hành chính cấp tỉnh do Thủ tướng Chính phủ chỉ định Ủy ban Nhân dân lâm thời.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội ấn định và công bố ngày bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân của các đơn vị hành chính đó.

Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng Nhân dân mới được bầu ở những đơn vị hành chính quy định tại Điều này do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân lâm thời cùng cấp triệu tập và chủ tọa cho đến khi Hội đồng Nhân dân bầu được Chủ tịch Hội đồng Nhân dân.

Điều 57.- Việc bầu cử và bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng Nhân dân theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Quy chế này được tiến hành chậm nhất là sáu tháng kể từ ngày quyết định sáp nhập, chia đơn vị hành chính, thay đổi cấp quản lý hành chính hoặc giải tán Hội đồng Nhân dân có hiệu lực.

Trong trường hợp thời gian còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Nhân dân khóa đó kể từ ngày một đơn vị hành chính mới được sáp nhập; chia, nâng cấp quản lý hoặc Hội đồng Nhân dân bị giải tán đến ngày bầu cử khóa sau không còn đủ một năm thì không tổ chức bầu cử hoặc bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng Nhân dân.

Chương IX

ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XIN THÔI LÀM NHIỆM VỤ ĐẠI BIỂU, ĐẠI BIỂU BỊ BÀI NHIỆM, ĐẠI BIỂU BỊ MẤT QUYỀN ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ GIẢI TÁN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 58.- Việc xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu của đại biểu Hội đồng Nhân dân được tiến hành theo trình tự sau đây:

1. Đại biểu Hội đồng Nhân dân gửi đơn xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu đến Thường trực Hội đồng Nhân dân cùng cấp, ở cấp xã thì gửi đến Chủ tịch Hội đồng Nhân dân;

2. Thường trực Hội đồng Nhân dân, ở cấp xã thì Chủ tịch Hội đồng Nhân dân trình Hội đồng Nhân dân cùng cấp đơn xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu của đại biểu Hội đồng Nhân dân;

3. Hội đồng Nhân dân thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết về việc xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu của đại biểu Hội đồng Nhân dân.

Trước khi biểu quyết thông qua nghị quyết, đại biểu Hội đồng Nhân dân xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu có thể phát biểu ý kiến.

Chủ tịch Hội đồng Nhân dân thông báo cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và cử tri ở đơn vị nơi bầu ra đại biểu và đại biểu đó biết nghị quyết của Hội đồng Nhân dân về việc xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu của đại biểu Hội đồng Nhân dân.

Đại biểu Hội đồng Nhân dân thôi làm nhiệm vụ đại biểu kể từ ngày Hội đồng Nhân dân thông qua nghị quyết cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu.

Điều 59.- Việc Hội đồng Nhân dân bãi nhiệm đại biểu Hội đồng Nhân dân được tiến hành theo trình tự sau đây:

1. Thường trực Hội đồng Nhân dân, ở cấp xã thì Chủ tịch Hội đồng Nhân dân trình Hội đồng Nhân dân cùng cấp về việc bãi nhiệm đại biểu

Hội đồng Nhân dân theo đề nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp;

2. Hội đồng Nhân dân thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết về việc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng Nhân dân.

Trước khi biểu quyết thông qua nghị quyết, đại biểu Hội đồng Nhân dân bị đề nghị bãi nhiệm có thể phát biểu ý kiến.

Nghị quyết thông qua việc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng Nhân dân phải được hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng Nhân dân biểu quyết tán thành.

Thường trực Hội đồng Nhân dân, ở cấp xã thì Chủ tịch Hội đồng Nhân dân thông báo việc đại biểu Hội đồng Nhân dân bị bãi nhiệm cho cử tri ở đơn vị bầu cử nơi bầu ra đại biểu đó biết, đồng thời thông báo cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và người bị bãi nhiệm biết.

Điều 60.- Trong trường hợp cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng Nhân dân thì việc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng Nhân dân được tiến hành ở đơn vị bầu cử nơi bầu ra đại biểu đó và theo các quy định sau đây:

1. Thường trực Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh, thành phố ấn định và công bố ngay bỏ phiếu bãi nhiệm; nếu bãi nhiệm đại biểu Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội ấn định và công bố ngay bỏ phiếu bãi nhiệm;

2. Chậm nhất là mười lăm ngày trước ngày bỏ phiếu bãi nhiệm, Thường trực Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thành lập Ban tổ chức bãi nhiệm từ bảy đến chín người ở cấp xã thì Chủ tịch Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành lập Ban tổ chức bãi nhiệm từ năm đến bảy người; Thành phần Ban tổ chức bãi nhiệm gồm đại diện Thường trực Hội đồng Nhân dân, ở cấp xã thì Chủ tịch Hội đồng Nhân dân, đại diện Ủy ban Nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể thành viên ở địa phương đề chỉ đạo công tác bãi nhiệm. Ban tổ chức bãi nhiệm cử Trưởng ban, Phó Trưởng ban và Thư ký. Ban tổ chức bãi nhiệm làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Các quyết định của Ban phải được quá nửa tổng số thành viên biểu quyết tán thành mới có giá trị;

3. Chậm nhất là bảy ngày trước ngày bỏ phiếu bãi nhiệm, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ

quốc Việt Nam cấp xã thành lập ở mỗi khu vực bỏ phiếu thuộc đơn vị bầu cử nơi bầu ra đại biểu đó Tổ công tác bãi nhiệm từ ba đến năm người, gồm đại diện của tổ chức xã hội và tập thể cử tri. Tổ công tác bãi nhiệm cử Tổ trưởng và Thư ký;

4. Danh sách cử tri bỏ phiếu bãi nhiệm do Ủy ban Nhân dân cấp xã lập và niêm yết tại trụ sở Ủy ban Nhân dân và các khu vực bỏ phiếu chậm nhất là bảy ngày trước ngày bỏ phiếu bãi nhiệm.

Điều kiện để được ghi tên vào danh sách cử tri bỏ phiếu bãi nhiệm theo quy định tại Điều 2 của Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân;

5. Biên bản kiểm phiếu của Tổ công tác bãi nhiệm làm thành ba bản có chữ ký của Tổ trưởng, Thư ký, gửi Ban tổ chức bãi nhiệm, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân cấp xã.

Căn cứ vào biên bản kiểm phiếu của các Tổ công tác bãi nhiệm, Ban tổ chức bãi nhiệm làm biên bản xác định kết quả bỏ phiếu bãi nhiệm. Phải có quá nửa tổng số cử tri ghi tên trong danh sách bỏ phiếu bãi nhiệm đi bỏ phiếu thì việc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng Nhân dân mới có giá trị và phải có quá nửa số phiếu tán thành bãi nhiệm thì đại biểu Hội đồng Nhân dân đó mới bị bãi nhiệm.

Ban tổ chức bãi nhiệm công bố kết quả bỏ phiếu bãi nhiệm chậm nhất là ba ngày sau ngày bỏ phiếu bãi nhiệm.

Biên bản xác định kết quả bỏ phiếu bãi nhiệm của Ban tổ chức bãi nhiệm làm thành năm bản có chữ ký của Trưởng ban, Phó Trưởng ban và Thư ký, gửi Thường trực Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và Thường trực Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân cấp trên trực tiếp. Nếu là cuộc bỏ phiếu bãi nhiệm đại biểu Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh thì biên bản được gửi đến Thường trực Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ;

6. Kinh phí tổ chức việc bỏ phiếu bãi nhiệm do ngân sách địa phương đài thọ.

Điều 61.- Trong trường hợp đại biểu Hội đồng Nhân dân bị khởi tố, cơ quan có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản cho Thường trực Hội đồng Nhân dân, ở cấp xã thì thông báo cho Chủ tịch Hội đồng Nhân dân trước khi ra quyết định khởi tố. Đại biểu Hội đồng Nhân dân bị khởi tố thì Thường trực Hội đồng Nhân dân, ở cấp xã thì

Chủ tịch Hội đồng Nhân dân ra quyết định tạm đình chỉ làm nhiệm vụ đại biểu. Đại biểu trở lại làm nhiệm vụ đại biểu khi cơ quan có thẩm quyền đình chỉ việc khởi tố đối với đại biểu hoặc sau khi xét xử mà không bị Tòa án kết án.

Đại biểu Hội đồng Nhân dân phạm tội bị Tòa án kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật thì mất quyền đại biểu Hội đồng Nhân dân.

Tòa án đã xét xử việc phạm tội của đại biểu Hội đồng Nhân dân có trách nhiệm gửi bản sao bản án hoặc trích lục bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án mình đến Thường trực Hội đồng Nhân dân, ở cấp xã thì gửi Chủ tịch Hội đồng Nhân dân và thông báo cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp biết.

Thường trực Hội đồng Nhân dân, ở cấp xã thì Chủ tịch Hội đồng Nhân dân báo cáo với Hội đồng Nhân dân tại kỳ họp gần nhất việc đại biểu Hội đồng Nhân dân đó bị mất quyền đại biểu Hội đồng Nhân dân. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp phối hợp với Tổ đại biểu Hội đồng Nhân dân thông báo để cử tri ở đơn vị nơi bầu ra đại biểu biết.

Điều 62.- Trong trường hợp Hội đồng Nhân dân gây thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của nhân dân thì bị Hội đồng Nhân dân cấp trên trực tiếp giải tán; đối với Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải tán.

Việc giải tán Hội đồng Nhân dân cấp huyện, cấp xã được tiến hành theo trình tự sau đây:

1. Thường trực Hội đồng Nhân dân phối hợp với Chủ tịch Ủy ban Nhân dân trình ra Hội đồng Nhân dân cấp mình xem xét, quyết định việc giải tán Hội đồng Nhân dân cấp dưới trực tiếp;

2. Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban Pháp chế của Hội đồng Nhân dân báo cáo thẩm tra về tờ trình của Thường trực Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân về việc xem xét giải tán Hội đồng Nhân dân;

3. Hội đồng Nhân dân thảo luận và thông qua nghị quyết giải tán Hội đồng Nhân dân.

Nghị quyết giải tán Hội đồng Nhân dân cấp xã phải được Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn, nghị quyết giải tán Hội đồng Nhân dân cấp huyện phải được Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn.

Việc xem xét, quyết định giải tán Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Khi Hội đồng Nhân dân bị giải tán thì các đại biểu Hội đồng Nhân dân thôi làm nhiệm vụ đại biểu.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 63.- Hội đồng Nhân dân, Thường trực Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân, ở cấp xã thì Chủ tịch Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân, các đại biểu Hội đồng Nhân dân và các cơ quan Nhà nước có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Điều 64.- Quy chế này thay bản Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Nhân dân các cấp đã được Hội đồng Nhà nước ban hành ngày 5 tháng 5 năm 1990. Các quy định và hướng dẫn trước đây trái với Quy chế này đều bãi bỏ.

T.M. Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Chủ tịch

NÔNG ĐỨC MẠNH

CHÍNH PHỦ

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 38-CP ngày 25-6-1996 quy định xử phạt hành chính về hành vi vi phạm pháp luật lao động.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Bộ Luật Lao động ngày 23 tháng 6 năm 1994;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 6 tháng 7 năm 1995;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Nghị định này được áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật lao động mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

Pháp luật lao động được quy định tại Nghị định này bao gồm những quy định trong Bộ Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành Bộ Luật Lao động.

Điều 2.- Nguyên tắc xử phạt vi phạm pháp luật lao động:

1. Mọi hành vi vi phạm phải được phát hiện và xử lý kịp thời. Việc xử lý phải được tiến hành nhanh chóng, công minh theo quy định của pháp luật.

2. Một hành vi vi phạm chỉ bị xử phạt một lần. Một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm. Nhiều người cùng thực hiện một hành vi vi phạm thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt.

3. Việc xử lý vi phạm phải căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, nhân thân và những tình tiết giảm nhẹ hay tăng nặng để quyết định hình thức và mức phạt thích hợp.

4. Nếu hành vi vi phạm có một trong những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều 3 dưới đây thì được giảm một nửa (1/2) mức phạt quy định đối với hành vi đó; trường hợp có từ 2 tình tiết giảm nhẹ trở lên thì được giảm hai phần ba (2/3) mức phạt quy định đối với hành vi đó.

5. Nếu hành vi vi phạm có một trong những tình tiết tăng nặng được quy định tại Điều 4 dưới đây thì bị phạt gấp đôi mức phạt quy định đối với hành vi đó; nếu có từ 2 tình tiết tăng nặng trở lên thì bị phạt gấp ba mức phạt đã được quy định đối với hành vi đó.

Điều 3.- Những tình tiết sau đây được coi là tình tiết giảm nhẹ:

1. Người vi phạm đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của vi phạm hoặc tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại;

2. Người vi phạm là phụ nữ có thai, người chưa thành niên, người cao tuổi, người có bệnh hoặc